

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HONECO/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

- Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- Điện thoại: 0211. 3871. 369
- Mã số doanh nghiệp: 2500214564

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Mật ong Tam Đảo

2. Thành phần: Mật ong tự nhiên 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 03 năm kể từ ngày sản xuất (Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh hoặc hũ nhựa đảm bảo theo:
 - QCVN 12-4:2015/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng thủy tinh, gốm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp
- Quy cách đóng gói: Đảm bảo theo thông tư số 21/2014/TT-BKHCN Quy định về đo lường đối với hàng hóa đóng gói sẵn.
Quy cách: 100g, 250g, 360g, 500g, 800g, 860g, 1000g,...

Hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn dự kiến: Nội dung ghi nhãn đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn :



- Theo TCVN 12605-2019: Tiêu chuẩn quốc gia về mật ong

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng nước	%	≤ 23
2	Hàm lượng fructose và glucose	g/100g	≥ 60
3	Hàm lượng sacarose	g/100g	≤ 15
4	Hàm lượng C4	%	≤ 7
5	Hàm lượng HMF	Mg/kg	≤ 80
6	Hoạt lực diatasa	schade	≥ 3
7	Axit tự do	Mili đương lượng axit/1000g	≤ 50
8	Độ dẫn điện	mS/cm	$\leq 0,8$ (Tương đương ≤ 800 $\mu\text{S/cm}$)
9	Hàm lượng chất rắn không tan trong nước	g/100g	$\leq 0,5$

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Arsen (As)	ppm	≤ 1
2	Thủy ngân (Hg)	ppm	$\leq 0,05$
3	Chì (Pb)	ppm	≤ 2
4	Cadimi (Cd)	ppm	≤ 1

- TCVN 5375:1991: Tiêu chuẩn Việt Nam về sản phẩm ong, yêu cầu vi sinh và phương pháp kiểm tra

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	TSVKHK	CFU/g	≤ 15.000
2	E.Coli	CFU/g	0
3	Vi khuẩn kỵ khí sinh H_2S	CFU/g	0
4	Salmonella	CFU/25g	0
5	S.aureus	CFU/g	0

6	Nấm mốc	CFU/g	0
7	Nấm men	CFU/g	≤ 1000

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Nga



Nội dung ghi nhãn:



MẬT ONG TAM ĐẢO

Mật ong tự nhiên 100%

2. Hướng dẫn sử dụng:

- Sử dụng mỗi ngày 15 g -30 g pha cùng nước ấm.
- Dùng trực tiếp, ngâm với thảo dược hoặc pha với trà, coffee, nước giải khát...
- Là gia vị dùng trong nấu ăn, tẩm ướp gà, vịt, lợn quay...tốt cho sức khỏe
- Làm nguyên liệu cho chế biến bánh kẹo và chế biến đông dược.

3. Thông tin cảnh báo:

Mật ong tự nhiên có thể bị kết tinh nhưng không làm giảm chất lượng sản phẩm. Hãy sử dụng bình thường hoặc ngâm với nước ấm 60 độ C cho đến khi tan ra.

4. Bảo quản:

Đề ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

5. Khối lượng tịnh:

6. Ngày sản xuất in trên nắp chai

Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất

7. Sản xuất và đóng gói tại: Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo

Địa chỉ: Hướng Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam

ĐT: (84)2113.871369 – 0968.969699

Email: ongtamdao@honeco.com

Website: www.honeco.com

8. Số CB: 01/HONECO/2024

9. Xuất xứ: Việt Nam



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 11589/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample: MẬT ONG TAM ĐÀO
TAM DAO HONEY
2. Mã số mẫu/ Sample code: 03242896/DV.1
3. Mô tả mẫu
Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa, thông tin mẫu dán trên chai, 800 g/chai.
Số lượng: 2. NSX: Không có - HSD: Không có.
Sample is put in plastic bottles, sample information is stuck on the bottle, 800 g/bottle. Quantity: 2. MFG: No information - EXP: No information.
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: Không có mẫu lưu
No storage sample
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: 25/03/2024
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 25/03/2024 - 02/04/2024
8. Nơi gửi mẫu
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐÀO
Địa chỉ: TDP Hưởng Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
TAM DAO BEE JOINT STOCK COMPANY
Address: Huong Loc Residential Group, Dao Duc Town,
Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Viet Nam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s): Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật
Physicochemical and Microbiological tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH/ND (LOD: 1)
9.2*	<i>S. aureus</i>	CFU/g	ISO 6888-1:2021	KPH/ND (LOD: 10)
9.3*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH/ND (eLOD ₅₀ : 1)
9.4*	Tổng số nấm men Total yeasts	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH/ND (LOD: 1)
9.5*	Tổng số nấm mốc Total molds	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH/ND (LOD: 1)
9.6*	Tổng số vi khuẩn hiếu khí Total aerobic bacteria	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	KPH/ND (LOD: 1)
9.7*	Vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S Anaerobic H ₂ S producing bacteria	CFU/g	TCVN 7902: 2008	KPH/ND (LOD: 1)
9.8*	Hàm lượng Arsenic Arsenic content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH/ND (LOD: 0,007)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.9*	Hàm lượng Cadmi Cadmium content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH/ND (LOD: 0,004)
9.10*	Hàm lượng Chì Lead content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.11*	Hàm lượng Thủy ngân Mercury content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH/ND (LOD: 0,004)
9.12	Độ dẫn điện Electrical conductivity	µS/cm	TCVN 12395:2018	429
9.13*	Hàm lượng Chất rắn không tan trong nước Water insoluble content	g/100g	TCVN 5264:1990	0,19
9.14*	Hàm lượng Fructose và Glucose Fructose and Glucose content	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC)	71,0
9.15	Hàm lượng Nước Water content	g/100g	AOAC 969.38B	22,0
9.16*	Hàm lượng Saccarose Sucrose content	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC)	2,08

Ghi chú: eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%
LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Note eLOD₅₀: estimated limit of detection at 50%
LOQ: limit of quantification of the method
ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

Hà Nội, 02/04/2024
KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR



TS. Lê Thị Phương Thảo
Le Thi Phuong Thao, PhD.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



BN: 240325053

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO
Client name : TAM DAO BEE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : TDP Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Address : Huong Loc Residential Group, Dao Duc town, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam
Mã số mẫu / Sample ID : 240325053
Tên mẫu/ Name of Sample : Mật ong Tam Đảo
Mô tả mẫu/ Sample description : Mật ong đựng trong chai nhựa/ Honey in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Mật ong/ Honey
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 03 / 2024
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 03 / 2024 - 29 / 03 / 2024
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 29 / 03 / 2024

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Phương pháp Method
Protein of Honey (Protein mật ong)	-25.36	d-13C‰	AOAC 998.12 (*)
Honey (Mật ong)	-25.03	d-13C‰	AOAC 998.12 (*)
Difference Protein-Honey	-0.33	d-13C‰	AOAC 998.12 (*)
C4-Sugar content (Hàm lượng đường C4)	2.1	khoảng (approx.) %	AOAC 998.12 (*)
Adulteration with C4-sugar (Pha trộn với đường C4)	Không pha trộn Not Adulterated		AOAC 998.12 (*)

Tiêu chuẩn của mật ong nguyên chất / Specifications of pure honey

Hàm lượng C4 / C4 content: <7%

Giá trị tham khảo:

δ13C (Mật ong / Honey): -29‰ đến -23.5‰

δ13C (Thực vật C4 / C4 plants): -16.6‰ đến -10.4‰

Ghi chú / Note: (*) Phương pháp được công nhận bởi VILAS / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS).

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử được mã hóa như trên /The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty /The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



BN: 240325053

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO
Client name : TAM DAO BEE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : TDP Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Address : Huong Loc Residential Group, Dao Duc town, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 240325053
Tên mẫu/ Name of Sample : Mật ong Tam Đảo
Mô tả mẫu/ Sample description : Mật ong đựng trong chai nhựa/ Honey in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Mật ong/ Honey
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 03 / 2024
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 03 / 2024 - 29 / 03 / 2024
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 29 / 03 / 2024

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Test method
Độ Acid tự do (Free Acid)	28.3	ml NaOH 1N/kg		HD.TN.317: 2019 (*)
Hoạt lực Diastase	12.1	DN		TCVN 5268:2008 (*)
HMF (Hydroxymethylfurfural)	9.07	mg/kg (ppm)		HD.TN.056 (Ref. Journal of Chromatography A, 917 (2001) 95-103) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



Ms. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử được mã hóa như trên /The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty /The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ONG TAM ĐẢO**

Số:09/2025/CV-HONECO

V/v cập nhật thông tin hồ sơ tự
công bố sản phẩm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, Ngày 21 tháng 07 năm 2025

**Kính gửi: CHI CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ
TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ**

Công ty cổ phần Ong Tam Đảo xin trân trọng gửi lời chào và kính trình Quý cơ quan nội dung cập nhật như sau:

Căn cứ theo **Điều 5, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP** ngày 02 tháng 02 năm 2018 của chính phủ về việc tự công bố sản phẩm, công ty chúng tôi đã thực hiện tự công bố sản phẩm:

I. Thông tin về sản phẩm

- **Tên sản phẩm:** Mật Ong Tam Đảo
- **Số tự công bố:** 01/HONECO/2024
- **Ngày tự công bố:** 15/04/2024

Nay công ty xin cập nhật một số nội dung trong hồ sơ tự công bố như sau:

1. Cập nhật địa chỉ doanh nghiệp:

- Địa chỉ trên bản tự công bố sản phẩm cũ: Tổ dân phố Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

- Địa chỉ hiện nay sau khi sát nhập theo địa giới hành chính: Tổ dân phố Hương Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

(Lưu ý: địa điểm sản xuất thực tế không thay đổi, chỉ cập nhật theo Quy định Nhà nước)

2. Bổ sung thông tin trên nhãn sản phẩm như sau:

“Sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế “

3. Bổ sung mục đích sử dụng sản phẩm trên nhãn:

- Dùng làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm.

4. Bổ sung thông tin trên nhãn sản phẩm như sau:

“ Sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế “

Sản phẩm được cấp giấy chứng nhận OCOP 4 sao năm 2024 theo quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Bổ sung quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Sản phẩm được đựng trong bao bì lọ thủy tinh, hũ nhựa, can nhựa hoặc túi màng nhôm đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.



- Quy cách đóng gói 10g, 15g, 25g, 30g, 45g, 100g, 250g, 360g, 400g, 500g, 700g, 800g, 860g, 1000g, 1400g, 2000g,.... 20kg, 25kg, 27kg.

II. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn dự kiến: Nội dung đính kèm hồ sơ

Công ty cam kết rằng việc cập nhật trên **không làm thay đổi bản chất, thành phần, quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm đã công bố trước đó.**

Kính đề nghị Quý cơ quan tiếp nhận và lưu hồ sơ cập nhật theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-Như kính gửi;

-Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Nga



Nội dung ghi nhãn:

MẬT ONG TAM ĐẢO

1. Thành phần:

Mật ong tự nhiên 100%

2. Hướng dẫn sử dụng:

- Sử dụng mỗi ngày 15 g -30 g pha cùng nước ấm.
- Dùng trực tiếp, ngâm với thảo dược hoặc pha với trà, coffee, nước giải khát...
- Là gia vị dùng trong nấu ăn, tẩm ướp gà, vịt, lợn quay...tốt cho sức khỏe
- Làm nguyên liệu cho chế biến bánh kẹo và chế biến đông được.
- Dùng làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm

3. Thông tin cảnh báo:

- Mật ong tự nhiên có thể bị kết tinh nhưng không làm giảm chất lượng sản phẩm. Hãy sử dụng bình thường hoặc ngâm với nước ấm 60 độ C cho đến khi tan ra.

4. Bảo quản:

Đề ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

5. Khối lượng tịnh:

6. Ngày sản xuất: có thể được in trên nắp hoặc trên nhãn

Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

7. Sản phẩm được cấp giấy chứng nhận OCOP 4 sao năm 2024 theo quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

8. Sản xuất và đóng gói tại nhà máy **Công Ty Cổ Phần Ong Tam Đảo đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế:**

Địa chỉ: Tổ dân phố Hưởng Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: (84)2113.871369 – 0968.969699

Email: ongtamdao@honeco.com

Website: www.honeco.com

9. Số CB: 01/HONECO/2024

